

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

Phan Quốc Nguyên

**PHÁP LUẬT VỀ CÁC HÌNH THỨC KHAI THÁC THƯƠNG MẠI
ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ TẠI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 62 38 50 01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ LUẬT HỌC

Hà nội - 2015

Công trình được hoàn thành tại: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Nguyễn Thị Quế Anh
2. PGS.TS. Lê Thị Thu Thủy

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án
tiến sỹ họp tại

vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

-Thư viện Quốc gia Việt Nam

-Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu

Sáng chế là một dạng tài sản trí tuệ (TSTT) đặc biệt, thuộc loại tài sản vô hình và đóng vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới và phát triển. Sử dụng và khai thác thương mại hợp lý loại tài sản này sẽ làm gia tăng thu nhập cho doanh nghiệp và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế (HNQT), cùng với sự phát triển, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) theo các chuẩn mực của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), trong những năm gần đây, Nhà nước ta đã dành sự quan tâm lớn việc khai thác thương mại đối với sáng chế.

Tuy nhiên, vấn đề khai thác thương mại đối với sáng chế còn tương đối mới trong thực tiễn khai thác thương mại các loại TSTT của Việt Nam. Hơn nữa, theo truyền thống và thực tiễn đời sống pháp lý Việt Nam, quyền SHTT nói chung và quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) nói riêng hiện nay chủ yếu được đề cập dưới góc độ dân sự. Sáng chế mới chỉ được đề cập trong các văn bản pháp luật của Việt Nam chủ yếu nghiêng về hướng bảo hộ quyền SHCN đối với sáng chế, tức là mới chỉ đề cập đến sáng chế ở trạng thái “tĩnh” hơn là các quy định về khai thác, thương mại hóa sáng chế - đề cập đến sáng chế ở trạng thái “động”. Do vậy, pháp luật của nước ta vẫn còn khá nhiều hạn chế và bất cập trong việc cụ thể hóa các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế nhằm thúc đẩy hoạt động này.

Xác định được tầm quan trọng của việc khai thác TSTT, đặc biệt là sáng chế trong quá trình HNQT, coi đó là điều kiện sống còn đối với sự phát triển của nước nhà trong thời gian tới, Việt Nam hiện đang nhanh chóng tiến hành đàm phán, tháo gỡ những bất đồng trong đó chủ yếu là các vướng mắc liên quan đến quyền SHTT, với các quốc gia có liên quan để sớm ký kết Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Nhằm đáp ứng yêu cầu HNQT, chúng ta cần hoàn thiện pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế, qua đó khuyến khích việc khai thác thương mại đối với sáng chế. Do vậy, để hoàn thiện pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế, việc nghiên cứu các quy định có liên quan của pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia khác là rất cần thiết.

Những lý do cơ bản trên đã thúc đẩy tôi chọn đề tài “***Pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam***” làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ luật học của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là làm rõ về mặt cơ sở lý luận và thực tiễn pháp luật của Việt Nam về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế đồng thời có so sánh với các quy định pháp lý quốc tế có liên quan. Từ đó đề xuất các phương hướng, xây dựng cơ sở lý luận cho việc hoàn thiện các quy định về khai thác thương mại đối với sáng chế trong phạm vi những vấn đề nghiên cứu đã được xác định.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế (trong đó có pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới).

Thứ hai, nghiên cứu thực trạng các quy định hiện hành về khai thác thương mại đối với sáng chế theo pháp luật của Việt Nam và thực tiễn áp dụng.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau như kinh tế học, quản trị học, luật học, v.v. Phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đối tượng nghiên cứu

của đề tài là pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam.

Phương pháp luận áp dụng cho việc nghiên cứu luận án là phân tích, so sánh, tổng hợp các quy định pháp lý có liên quan đến các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế cũng như các điều kiện, đối tượng bảo hộ, giới hạn quyền khai thác thương mại đối với sáng chế của Việt Nam, của pháp luật quốc tế, của một số nước trên thế giới để chỉ rõ những điểm giống nhau, khác nhau và những điểm cần khắc phục trong hệ thống pháp luật của Việt Nam.

Ngoài ra, tác giả sẽ sử dụng phương pháp phân tích pháp lý để phân tích các văn bản quy phạm pháp luật trong nước và quốc tế cũng như để phân tích các tài liệu chuyên khảo, các bài viết trong các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.

4. Tính mới về khoa học luận án

Luận án cũng là công trình chuyên khảo đầu tiên nghiên cứu một cách chuyên sâu, đầy đủ, toàn diện, có hệ thống các quy định pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam trên cơ sở so sánh, đúc rút kinh nghiệm thực tiễn trong các quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới cũng như của pháp luật quốc tế.

Nội dung nghiên cứu của luận án có một số đóng góp mới trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế của Việt Nam, cụ thể như:

Thứ nhất, nghiên cứu một cách toàn diện pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam từ đó chỉ ra những nguyên nhân hạn chế trong lĩnh vực này ở Việt Nam.

Thứ hai, so sánh, đối chiếu các quy định pháp lý về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế của Việt Nam với các quy định pháp lý có liên quan trong một số công ước quốc tế quan trọng, trong pháp luật

của một số quốc gia trên thế giới nhằm hoàn thiện pháp luật của Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ ba, nêu ra những kiến nghị, phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế nhằm thúc đẩy việc khai thác thương mại cũng đối với sáng chế tại Việt Nam.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu và những kiến nghị của luận án có ý nghĩa quan trọng, góp phần nhất định vào việc bổ sung, phát triển cơ sở lý luận, hoàn thiện các quy định pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam nói riêng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam nói chung nhằm đáp ứng các yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa trong quá trình HNQT của Việt Nam.

Hơn nữa, những kết quả nghiên cứu, phân tích, so sánh và tổng hợp của luận án có thể được dùng để tham khảo, bổ sung, sửa đổi cho các quy định pháp lý liên quan đến việc bảo hộ sáng chế tại Việt Nam.

Luận án này có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực SHTT, chuyển giao công nghệ (CGCN) trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu pháp luật.

Ngoài ra, các kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về SHTT và CGCN trong thời gian tới.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, lời cam đoan, lời cảm ơn, danh mục chữ viết tắt, danh mục các bảng biểu, kết luận, danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án, tài liệu tham khảo, Luận án được cấu trúc bao gồm 4 chương như sau:

- Chương 1 – Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

- Chương 2 – Cơ sở lý luận về bảo hộ sáng chế và các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế
- Chương 3 – Thực trạng pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam
- Chương 4 - Phương hướng và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam

CHƯƠNG 1-TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1 Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.1.1 Nhóm công trình nghiên cứu mang tính lý luận chung về sáng chế

Nhóm thứ nhất, nghiên cứu mang tính lý luận chung về sáng chế có các công trình tiêu biểu như:

Nước ngoài

- Bài báo: “Patents and Development”, Patricia Kameri-Mbote (1994), *Law and Development in the Third World*, Khoa Luật, Đại học Nairobi;
- Sách chuyên khảo: *Industrial Property Rights Standard Textbook-Patents*, Viện Sáng chế và Đổi mới Sáng tạo của Nhật Bản, 2003;
- Sách chuyên khảo: *Brevet, innovation et intérêt général-Le Brevet: pourquoi et pourquoi faire?*, NXB Larcier, 2007.

Việt Nam

- Bài báo: “Bàn về các thuật ngữ “phát minh”, “phát hiện”, “sáng chế”, PGS. TS. Trần Văn Hải (2007), *Tạp chí Hoạt động khoa học*, số 6/2007;
- Giáo trình: *Sở hữu trí tuệ, Chuyển giao Công nghệ và Khai thác thông tin sáng chế*, Phan Quốc Nguyên (chủ biên) (2010), NXB Bách khoa.

1.1.2 Nhóm công trình nghiên cứu pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Nhóm thứ hai, nghiên cứu về pháp luật bảo hộ quyền SHCN đối với sáng chế, có các công trình tiêu biểu như:

Nước ngoài

- Bài báo “How Does Patent Protection Help Developing Countries?”, Ali M. Imam (2006), *International Review of Intellectual Property and Competition Law (IIC)*, Volume 37, No. 3/2006;
- Sách chuyên khảo: *WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use*, Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới, 2001;
- Cuốn sách: *Intellectual Property Law in Europe*, Guy Tritton (chủ biên) (2002), NXB London Sweet & Maxwell;
- Cuốn sách: *Intellectual Property Law in Asia*, Christopher Heath (chủ biên) (2003), NXB Kluwer Law International, London;

Việt Nam

- Bài báo: “Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ sinh học-Pháp luật và thực tiễn của Châu Âu và Hoa Kỳ”, TS Nguyễn Như Quỳnh (2006) *Tạp chí Luật học*, số 7/2006;
- Bài báo: “Tính mới trong việc bảo hộ sáng chế đối với bài thuốc cổ truyền của Việt Nam” của PGS. TS. Trần Văn Hải (2013) *Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Luật học, tập 29, số 2/2013;
- Cuốn sách: *Quyền sở hữu trí tuệ*, Lê Nết (2005), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Luận án: *Đổi mới và hoàn thiện cơ chế điều chỉnh pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, TS. Lê Xuân Thảo (1996), Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

1.1.3 Nhóm đề tài nghiên cứu pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế

Nhóm thứ ba, nghiên cứu pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế, gồm các công trình tiêu biểu sau:

Nước ngoài

- Bài báo: “Licensing and exploitation of patents”, Holloway. H (1968), *J.P.O.T.S.*, Vol. 2, No. 1;

- Bài báo: “Toward a Doctrine of Fair Use in Patent Law”, O’Rourke, M. (2000), *Columbia Law Review* 100(5);
- Sách chuyên khảo: *Patent and Know-how Licensing in Japan and the United States*, Teruo Doi và Warren L. Shattuck (chủ biên) (1977), NXB Đại học Washington;
- Sách chuyên khảo: *Le Brevet Américain – Protéger et Valoriser l’Innovation aux États-Unis*, André Boujou (1988), NXB Jupiter Précis;
- Cuốn sách: *Legal Aspects of the Transfer of Technology to Developing Countries*, Michael Blackeney (1989), NXB Oxford: ESC Publishing;
- Cuốn sách: *Droit Européen des Licences Exclusives de Brevets*, Isabelle Roudard (1989), NXB Nouvelles Editions Fiduciaires;
- Sách chuyên khảo: *Legal rules of Technology transfer in Asia*, Christopher Heath and Kung-Chung Liu (chủ biên) (2002), NXB Kluwer Law International;

Việt Nam

- Bài báo: “Pháp luật về hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp của Việt Nam và Hoa Kỳ dưới góc nhìn so sánh”, Hồ Thúy Ngọc (2014), *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 7/2014;
- Bài báo: “Những bất cập của pháp luật Việt Nam về chuyển giao công nghệ trước yêu cầu hội nhập quốc tế - Một số kiến nghị về phương hướng và giải pháp”, Phan Quốc Nguyên (2005-2006), *Bản tin Sở hữu công nghiệp* (nay là Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Sáng tạo), Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam, Số 50/2005, Số 52 (1/2006), Số 53 (2/2006) và Số 54 (3/2006);
- Sách chuyên khảo: *Quyền SHCN trong hoạt động thương mại*, TS. Nguyễn Thanh Tâm (2006), NXB Tư pháp.

Tóm lại, đã có nhiều công trình chuyên khảo, bài báo khoa học tại Việt Nam và trên thế giới đề cập về sáng chế dưới nhiều góc độ khác nhau như pháp luật, kinh tế, kỹ thuật, v.v. Các tài liệu này đã thành công trong việc phân tích, đề cập đến các khái niệm cơ bản về sáng chế và nội dung bảo hộ quyền SHCN đối với sáng chế. Hơn nữa, các công trình này đã

thành công trong việc đưa ra khái niệm khai thác thương mại đối với sáng chế, trong việc phân tích một số hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế và pháp luật điều chỉnh một số hình thức này. Tuy nhiên, phần lớn các tài liệu này chỉ đề cập cụ thể đến pháp luật riêng rẽ của một số quốc gia hoặc những quy định pháp lý của một số điều ước quốc tế có liên quan mà chưa hề có một tài liệu nào đề cập toàn diện, sâu sắc đến pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam.

1.2 Những vấn đề kế thừa, nghiên cứu sâu hơn và nghiên cứu mới trong luận án

1.2.1 Những vấn đề Luận án cần kế thừa

Thứ nhất, cơ sở lý luận và bản chất thương mại của sáng chế, bản chất hoạt động chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế.

Thứ hai, vai trò của bảo hộ và khai thác thương mại sáng chế.

Thứ ba, cơ sở lý luận về hình thức khai thác thương mại sáng chế.

Thứ tư, thực trạng pháp luật về hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam.

Thứ tư, pháp luật quốc tế và quy định pháp lý của một số quốc gia về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế.

1.2.2 Những vấn đề cần nghiên cứu mới trong Luận án

Thứ nhất, cơ sở lý luận và khái niệm pháp luật về hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam.

Thứ hai, cơ sở pháp lý về một số hình thức khai thác thương mại khác đối với sáng chế.

Thứ ba, các quan điểm, xu thế phát triển của các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế.

Thứ tư, các nguyên nhân tồn tại khác của những hạn chế, bất cập trong các quy định pháp luật hiện hành.

Thứ năm, so sánh mới pháp luật về hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế của Việt Nam với pháp luật của một số quốc gia khác và

pháp luật quốc tế để chỉ ra các ưu, nhược điểm trong pháp luật nước nhà cũng như để tìm ra các nguyên nhân yếu kém, bất cập.

Thứ sáu, nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam.

Thứ bảy, đề xuất định hướng, phương hướng phát triển và kiến nghị các giải pháp mới nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2 - CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ VÀ CÁC HÌNH THỨC KHAI THÁC THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ

2.1 Khát quát về sáng chế

2.1.1 Khái niệm sáng chế

Sáng chế là sản phẩm hay quy trình do con người tạo ra chứ không phải là những gì đã tồn tại trong thiên nhiên được con người phát hiện ra.

2.1.2 Vai trò của sáng chế

Trước hết, sáng chế có vai trò cực kỳ to lớn trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong sự phát triển nền văn minh của xã hội loài người.

Thứ hai, sáng chế làm giàu thêm kho tri thức của nhân loại.

Thứ ba, sáng chế khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới.

Thứ tư, sáng chế có vai trò rất quan trọng trong việc đổi mới công nghệ. Có thể nói rằng, sáng chế chính là cơ sở cho việc đổi mới công nghệ.

Thứ năm, sáng chế làm tăng sức cạnh tranh và thúc đẩy sự đổi mới mang tính cạnh tranh.

2.2 Khái quát về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

2.2.1 Khái niệm quyền sở hữu công nghiệp

Quyền SHCN là một khái niệm pháp lý ra đời và gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp từ thế kỷ 17. Quyền SHCN thường được hiểu theo hai nghĩa khách quan và chủ quan. Theo nghĩa khách quan, quyền SHCN là

pháp luật về SHCN. Theo nghĩa chủ quan, quyền SHCN là quyền, nghĩa vụ của các chủ thể liên quan đến việc sử dụng, chuyển giao quyền SHCN.

2.2.2 Khái niệm quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Quyền SHCN đối với sáng chế là quyền độc quyền của chủ sở hữu sáng chế trong việc khai thác sáng chế cũng như trong việc ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế trong một thời gian và trên một lãnh thổ nhất định.

2.2.3 Khái niệm bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Bảo hộ quyền SHCN đối với sáng chế là việc Nhà nước thông qua hệ thống sáng chế xác lập quyền của các chủ thể đối với sáng chế và bảo vệ quyền đó, chống lại bất kì sự vi phạm nào của người khác.

2.2.4 Bản chất của bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Bản chất của việc xin bảo hộ sáng chế là tạo ra sự độc quyền của chủ sở hữu sáng chế trong một thời gian nhất định. Khi văn bằng bảo hộ (VBBH) độc quyền sáng chế được cấp, đó chính là căn cứ pháp lý về sự độc quyền sử dụng, khai thác sáng chế của chủ văn bằng. Tuy nhiên, sự độc quyền này cũng có những giới hạn nhất định.

2.2.5 Các nguyên tắc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

- Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên.
- Nguyên tắc ưu tiên khi xét đơn yêu cầu bảo hộ.
- Nguyên tắc đánh đổi.
- Nguyên tắc cân bằng lợi ích.

2.2.6 Vai trò của việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

- Bảo hộ quyền SHCN đối với sáng chế một cách hợp lý sẽ góp phần tạo ra môi trường kinh doanh, sự cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm an toàn trong các giao dịch thương mại.
- Bảo hộ quyền SHCN đối với sáng chế sẽ thúc đẩy đổi mới sáng tạo.
- Bảo hộ sáng chế không những tạo động lực cho nghiên cứu khoa học mà còn góp phần thu hút nguồn vốn đầu tư và thúc đẩy CGCN.

2.2.7 Nội dung bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Xác định chủ sở hữu sáng chế

Theo Điều 121, Luật SHTT, chủ sở hữu đối tượng SHCN là cá nhân, tổ chức, các chủ thể khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp VBBH đối tượng SHCN hoặc được thừa nhận là đang sử dụng hợp pháp hoặc được nhận chuyển giao VBBH nhằm sử dụng trong hoạt động kinh doanh thương mại.

Quyền của chủ sở hữu sáng chế

Trong trường hợp chủ sở hữu sáng chế đồng thời là tác giả thì họ có các quyền nhân thân (với tư cách là tác giả sáng chế) và các quyền tài sản (với tư cách là chủ sở hữu sáng chế). Các quyền tài sản căn bản của chủ sở hữu sáng chế bao gồm: quyền độc quyền sử dụng và ngăn cấm, cho phép người khác sử dụng sáng chế; quyền định đoạt đối với sáng chế; quyền tạm thời đối với sáng chế.

Nghĩa vụ của chủ sở hữu sáng chế

Thứ nhất, nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng chế theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật nếu không đồng thời là tác giả sáng chế.

Thứ hai, nghĩa vụ sử dụng sáng chế để sản xuất ra sản phẩm hoặc áp dụng quy trình được bảo hộ nhằm đáp ứng các nhu cầu về quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho người dân hoặc các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội.

Thứ ba, nghĩa vụ cho phép người khác sử dụng sáng chế cơ bản của mình nhằm sử dụng sáng chế phụ thuộc với một số điều kiện nhất định.

Giới hạn quyền của chủ sở hữu sáng chế

Việc sử dụng sáng chế mà không phải xin phép và/hoặc trả tiền được thực hiện trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, sử dụng sáng chế ngoài lãnh thổ được bảo hộ và hết thời hạn hiệu lực bảo hộ.

Thứ hai, sử dụng sáng chế phục vụ nhu cầu cá nhân và không nhằm mục đích kinh doanh.

Thứ ba, sử dụng sáng chế do chính chủ sở hữu sáng chế đưa ra thị trường.

Thứ tư, sử dụng sáng chế chỉ nhằm mục đích duy trì hoạt động của các phương tiện vận tải của nước ngoài đang quá cảnh hoặc ở tạm thời tại một quốc gia khác.

Thứ năm, sử dụng sáng chế do bên thứ ba có đặc quyền được tiếp tục tạo ra sản phẩm.

Thứ sáu, sử dụng sáng chế vì lợi ích chung của cộng đồng.

Thứ bảy, sử dụng sáng chế theo “Quyền sử dụng trước”.

2.3 Khái quát về khai thác thương mại đối với sáng chế

2.3.1 Khái niệm thương mại và khai thác thương mại

Thương mại là khái niệm rộng và ngày càng được mở rộng ra với một nội hàm rộng lớn, bao gồm tất cả các hoạt động nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Khai thác thương mại được hiểu là một hành vi có chủ đích, tự nguyện mang bản chất thương mại là kiếm lời.

2.3.2 Khái niệm khai thác thương mại đối với sáng chế

Khái niệm khai thác thương mại đối với sáng chế theo cách tiếp cận của luận án là việc tạo ra lợi nhuận từ việc sử dụng các khả năng,

công dụng, giá trị tiềm tàng của sáng chế đang được bảo hộ quyền SHTT một cách tự nguyện và có chủ định.

2.3.3 Vai trò của việc khai thác thương mại đối với sáng chế

- Đối với bên nhận chuyển giao.
- Đối với bên chuyển giao.
- Đối với toàn xã hội.

2.4 Pháp luật điều chỉnh các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế

2.4.1 Các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế

Theo quan điểm của luận án, hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế bao gồm các hình thức như sau:

- chủ sở hữu tự mình khai thác thương mại đối với sáng chế;
- chủ sở hữu chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế bao gồm chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế và li-xăng sáng chế;
- chủ sở hữu thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền SHCN đối với sáng chế.

2.4.2 Khái niệm pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế

Pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế là tổng thể các quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực dân sự, SHTT, CGCN, thương mại, doanh nghiệp, đầu tư và giao dịch bảo đảm (GDBĐ) nhằm điều chỉnh các quan hệ về việc chủ sở hữu tự mình khai thác thương mại đối với sáng chế, có liên quan đến việc chủ sở hữu chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế và việc chủ sở hữu thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền SHCN đối với sáng chế.

2.5 Pháp luật quốc tế về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế

2.5.1 Công ước Paris

2.5.2 Hiệp định TRIPS

CHƯƠNG 3 - THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC HÌNH THỨC KHAI THÁC THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ

3.1 Thực trạng quy định hiện hành về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế

3.1.1 Cơ sở pháp lý của quyền khai thác thương mại sáng chế theo pháp luật Việt Nam

- Quyền sử dụng, cho phép hoặc ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế.
- Quyền định đoạt sáng chế.

3.1.2 Giới hạn quyền khai thác thương mại sáng chế theo pháp luật Việt Nam

3.1.3 Quy định hiện hành về hình thức chủ sở hữu tự mình khai thác thương mại đối với sáng chế

Hình thức tự mình khai thác thương mại sáng chế của chủ sở hữu được thể hiện ở việc chủ sở hữu thực hiện quyền năng căn bản nhất của mình là quyền năng sử dụng sáng chế. Quyền sử dụng và ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế chủ sở hữu đồng thời là cơ sở nền tảng, căn cứ dẫn đến việc chủ sở hữu cho phép người khác khai thác thương mại sáng chế thông qua việc chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế.

Theo quan điểm của tác giả luận án, nhằm thực hiện chính sách của Nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp KHCN, phát triển thị trường KHCN, các quy định pháp lý hiện hành cần được bổ sung theo hướng cụ thể hóa hơn nữa các quyền độc quyền của chủ sở hữu sáng chế vì các độc quyền của chủ sở hữu chính là các căn cứ cho phép họ lựa chọn hình thức tự mình khai thác hoặc chuyển giao cho người khác khai thác dưới những hình thức khác nhau.

3.1.4 Quy định hiện hành về khai thác thương mại dưới hình thức chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế

Khái niệm chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế

Chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế là việc “bán đứt” sáng chế.

Điều kiện hạn chế việc chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế

Chỉ được chuyển nhượng quyền trong phạm vi được bảo hộ.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế

Luật SHTT Việt Nam lại quy định các giới hạn về hình thức, nội dung và điều kiện có hiệu lực của hợp đồng này.

Hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế

Hợp đồng bằng văn bản.

Nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế

Phải tuân theo các quy định tại Điều 140, Luật SHTT.

Đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế

Phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.1.5 Quy định hiện hành về khai thác thương mại dưới hình thức chuyển giao quyền sử dụng sáng chế

Khái niệm chuyển giao quyền sử dụng sáng chế

Là việc chủ sở hữu “cho phép” hoặc ủy quyền cho người khác sử dụng sáng chế của mình và thường được gọi là li-xăng sáng chế.

Phân loại hình thức chuyển giao quyền sử dụng sáng chế

Hình thức chuyển giao căn bản quyền sử dụng sáng chế

Li-xăng độc quyền, li-xăng không độc quyền và li-xăng thứ cấp.

Chuyển giao công nghệ

Các giao dịch li-xăng sáng chế và bí quyết kỹ thuật là vấn đề cốt lõi của CGCN. Vậy mà pháp luật hiện hành của Việt Nam lại tách rời hai khái niệm chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế và CGCN.

Nhượng quyền thương mại

Nhượng quyền thương mại (NQTM) không có định nghĩa chuẩn. Li-xăng sáng chế có thể có nhưng không phải là yếu tố bắt buộc phải có trong hợp đồng NQTM.

Điều kiện hạn chế việc chuyển quyền sử dụng sáng chế

- Bên được chuyển quyền không được ký kết hợp đồng thứ cấp với bên thứ ba, trừ trường hợp được bên chuyển quyền cho phép.

- Bên được chuyển quyền sử dụng sáng chế theo hợp đồng độc quyền có nghĩa vụ sử dụng sáng chế như chủ sở hữu sáng chế.

Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế

Giống như hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế, hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế cũng bị các giới hạn về hình thức, nội dung và điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế

Khác với hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế, hợp đồng li-xăng sáng chế có hiệu lực theo thoả thuận giữa các bên, nhưng chỉ có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN.

3.1.6 Quy định hiện hành về khai thác thương mại dưới hình thức thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Mặc dù pháp luật về SHTT, CGCN, doanh nghiệp, đầu tư và GDBĐ đã có quy định khuyến khích chủ sở hữu sáng chế/công nghệ thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng chính TSTT của mình. Tuy nhiên, các quy định pháp lý cụ thể nhằm khuyến khích việc thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền SHCN của các chủ sở hữu sáng chế vẫn còn bỏ ngõ. Hơn nữa, pháp luật hiện hành còn thiếu vắng những quy định cụ thể về cơ chế, phương pháp định giá sáng chế.

3.2. Thực tiễn áp dụng quy định hiện hành về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam

3.2.1 Thực tiễn áp dụng quy định hiện hành về hình thức chủ sở hữu tự mình khai thác thương mại đối với sáng chế

Trước hết, cần khẳng định rằng chưa có một công bố chính thức nào về việc chủ sở hữu tự mình khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam.

3.2.2 Thực tiễn áp dụng quy định hiện hành về khai thác thương mại dưới hình thức chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Hiện không có số liệu thống kê chính xác về số lượng sáng chế được chuyển nhượng quyền sở hữu cũng như số lượng sáng chế được chuyển giao quyền sử dụng tại Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động khai thác thương mại sáng chế tại Việt Nam hiện rất hạn chế.

3.2.3 Thực trạng thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế tại Việt Nam

Trên thực tế, trong thời gian qua, chưa có một thống kê chính thức nào về các vụ việc định giá sáng chế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Thứ nhất, cơ sở pháp lý của quyền khai thác thương mại sáng chế và giới hạn quyền khai thác thương mại sáng chế của chủ sở hữu sáng chế theo pháp luật Việt Nam đã được ghi nhận và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ hai, các quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam về hình thức chủ sở hữu tự mình khai thác thương mại sáng chế cũng phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, các quyền độc quyền này vẫn còn được ghi nhận chung chung mà chưa được cụ thể hóa bằng các văn bản dưới luật.

Thứ ba, Luật SHTT, Luật CGCN, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thương mại và các văn bản pháp quy quy định chi tiết một số điều của các luật trên đã được ban hành nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế. Tuy nhiên, các quy định pháp lý hiện hành

về việc khai thác thương mại sáng chế dưới hình thức chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế còn nhiều bất cập.

Thứ tư, mặc dù pháp luật về SHTT, CGCN, doanh nghiệp, đầu tư và GDBĐ đã có các quy định nhằm khuyến khích chủ sở hữu sáng chế/công nghệ thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng chính TSTT của mình. Tuy nhiên, các quy định pháp lý cụ thể về thủ tục thế chấp, góp vốn bằng quyền SHCN đối với sáng chế cũng như các cơ chế, phương pháp định giá tài sản này hiện vẫn chưa được ban hành.

Thứ năm, thực tiễn áp dụng quy định hiện hành về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam đã được thể hiện qua thực trạng bảo hộ quyền SHCN đối với sáng chế, thực trạng chủ sở hữu tự mình khai thác sáng chế, thực trạng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế và thực trạng thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền SHCN đối với sáng chế.

CHƯƠNG 4-PHƯƠNG HƯỚNG VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÁC HÌNH THỨC KHAI THÁC THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ TẠI VIỆT NAM

4.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam

Phương hướng chung để hoàn thiện pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam trong thời gian tới là nhằm đáp ứng nhu cầu HNQT và tăng cường nguồn lực cho việc phát triển KT-XH.

4.2 Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam

4.2.1 Kiến nghị giải pháp tổng thể

Cần có một bộ luật riêng rẽ, chuyên biệt về sáng chế theo cách tiếp cận “động” chú trọng đến tính thương mại của sáng chế.

4.2.2 Kiến nghị các giải pháp cụ thể

Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hình thức chủ sở hữu tự mình khai thác thương mại sáng chế

Một trong những biện pháp quan trọng khuyến khích chủ sở hữu tự mình khai thác thương mại sáng chế là việc bổ sung thêm những hình thức sử dụng hoặc ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế của chủ sở hữu theo kinh nghiệm nước ngoài.

Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hình thức chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

- Cụ thể hóa sự khác biệt giữa hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu và hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.
- Sửa đổi và bổ sung khoản 2, Điều 138 và khoản 2, Điều 141, Luật SHTT.
- Xóa bỏ yêu cầu đăng ký đối với hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế.
- Mở rộng thêm các hình thức li-xăng sáng chế.
- Bổ sung thêm đối tượng chuyển giao công nghệ là sáng chế, giải pháp hữu ích.

Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hình thức thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

- Cụ thể hóa các quy định về thủ tục thế chấp bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế.
- Cụ thể hóa các quy định về thủ tục góp vốn bằng quyền SHCN đối với sáng chế.
- Cụ thể hóa quy định pháp lý về hướng dẫn định giá sáng chế

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Thứ nhất, có hai phương hướng quan trọng để hoàn thiện pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế trong thời gian tới là đáp ứng nhu cầu HNQT và phát triển KT-XH.

Thứ hai, tác giả kiến nghị một giải pháp tổng thể là chúng ta cần có một bộ luật riêng rẽ, chú trọng đến tính thương mại của sáng chế.

Thứ ba, tác giả kiến nghị một số giải pháp cụ thể: Mở rộng quyền sử dụng và ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế của chủ sở hữu tới bất kỳ hành vi nào nhằm thương mại hóa sản phẩm, quy trình chứa sáng chế được bảo hộ; Cụ thể hóa sự khác biệt giữa hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu và hợp đồng li-xăng sáng chế; xóa bỏ yêu cầu phải đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có hiệu lực; quy định thêm một số loại hình li-xăng như li-xăng đầy đủ, li-xăng một phần, li-xăng mở, li-xăng chéo; coi chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế là hoạt động CGCN; Xây dựng các quy định cụ thể về thủ tục thế chấp, góp vốn bằng quyền SHCN đối với sáng chế theo hướng đảm bảo quyền lợi cho bên nhận thế chấp, tách ra hai loại hình góp vốn bằng quyền sở hữu và quyền sử dụng sáng chế; xây dựng các quy định cụ thể hướng dẫn về việc định giá sáng chế.

KẾT LUẬN

Sáng chế là một dạng TSTT đặc biệt, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong quá trình đổi mới, phát triển và đang trở thành nhân tố then chốt, động lực để phát triển KHCN, kinh tế quốc gia. Khai thác thương mại hợp lý loại tài sản này sẽ làm gia tăng thu nhập cho doanh nghiệp, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong những năm gần đây, Nhà nước ta đã dành sự quan tâm lớn việc bảo hộ và khai thác sáng chế, đặc biệt là hoạt động khai thác thương mại đối với sáng chế, đáp ứng nhu cầu CNH-HĐH, HNQT và phát triển KT-XH.

Cùng với sự hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật theo các chuẩn mực của WTO, Luật SHTT, Luật CGCN, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, pháp luật về GDBĐ và các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành đã có một số quy định về hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế nhằm khuyến khích việc khai thác thương mại đối với sáng chế như hình thức chủ sở hữu tự mình khai thác thương mại sáng chế; hình thức chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế; hình thức thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền SHCN đối với sáng chế.

Tuy nhiên, vấn đề khai thác thương mại đối với sáng chế còn tương đối mới trong thực tiễn khai thác thương mại các loại TSTT của Việt Nam. Do vậy, pháp luật của nước ta, đặc biệt là pháp luật về SHTT, CGCN, thương mại, đầu tư, doanh nghiệp và GDBĐ vẫn còn có khá nhiều quy định bất cập trong việc cụ thể hóa các hình thức khai thác thương mại nhằm thúc đẩy hoạt động khai thác thương mại đối với sáng chế. Sáng chế trong các quy định pháp lý hiện hành vẫn đang được đề cập dưới dạng “tĩnh” mà không phải trạng thái “động”.

Những vấn đề bất cập chủ yếu hiện nay trong các quy định pháp lý về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam bao gồm việc chưa phân biệt rõ ràng hai loại hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu và chuyển giao quyền sử dụng sáng chế; sự tách rời một cách bất hợp lý giữa sáng chế với đối tượng CGCN, không coi chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế là hoạt động CGCN dẫn đến sự khác biệt về pháp luật điều chỉnh và yêu cầu về hình thức của hai loại hợp đồng này; việc kiểm soát chặt chẽ hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế; sự thiếu hụt một số quy định về hình thức li-xăng sáng chế; việc chưa có các quy định cụ thể hóa về thủ tục thế chấp, góp vốn bằng quyền SHCN đối với sáng chế cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về việc định giá sáng chế.

Các hạn chế, bất cập này đã dẫn đến những hậu quả: số lượng đơn đăng ký và bằng sáng chế tại Việt Nam trong thời gian qua rất khiêm tốn, không tương xứng với tiềm năng của chúng ta; số lượng sáng chế được khai thác thương mại ghi nhận chính thức còn khiêm tốn hơn nữa; các nhà đầu tư nước ngoài đã không muốn CGCN vào Việt Nam; công nghệ nội sinh của chúng ta còn yếu kém; ảnh hưởng đến quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa, HNQT và phát triển KT-XH.

Nhằm khắc phục các hạn chế và bất cập này, chúng ta cần nhanh chóng sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành đồng thời xây dựng các quy định mới trong Luật SHTT, Luật CGCN và các văn bản pháp luật khác có liên quan để hoàn thiện pháp luật về hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế. Để có được những giải pháp khả thi, cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế phục vụ yêu cầu HNQT, phát triển KT-XH của Việt Nam, việc nghiên cứu những vấn đề về lý luận và thực tiễn pháp luật về hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế của Việt Nam cũng như các quy định có liên quan của một số quốc gia trên thế giới như của Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thụy Sĩ, Ấn Độ, của pháp luật quốc tế như Công ước Paris, Hiệp định TRIPS là điều rất cần thiết.

Do vậy, luận án đã đưa ra các quan điểm, căn cứ đề ra giải pháp đồng thời kiến nghị các giải pháp tổng thể và cụ thể theo kinh nghiệm quốc tế nhằm hoàn thiện pháp luật về hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế nói riêng và pháp luật về sáng chế nói chung như sau:

Về giải pháp tổng thể, chúng ta cần xây dựng một bộ luật riêng rẽ, chuyên biệt về sáng chế theo cách tiếp cận “động” của sáng chế, cân bằng lợi ích các bên có liên quan và quy định rõ các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế.

Về giải pháp cụ thể, thứ nhất, chúng ta cần có các quy định phù hợp mở rộng quyền sử dụng và ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế theo hướng thúc đẩy khai thác thương mại sáng chế của chủ sở hữu đồng thời cân bằng lợi ích của chủ sở hữu, tác giả sáng chế và lợi ích cộng đồng. Thứ hai, chúng ta cần sửa đổi, bổ sung một số quy định hiện hành theo hướng hoàn thiện pháp luật về hình thức chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế bao gồm: cụ thể hóa sự khác biệt trong quy định pháp luật giữa hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN và hợp đồng li-xăng sáng chế; coi sáng chế là đối tượng quan trọng hàng đầu trong số các đối tượng công nghệ được chuyển giao đồng thời coi chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế là hoạt động CGCN; quy định hình thức giao kết hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế mềm dẻo như quy định đối với hợp đồng CGCN; quy định hoạt động chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế phải do Luật Thương mại điều chỉnh; xóa bỏ yêu cầu phải đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có hiệu lực; quy định thêm một số loại hình li-xăng sáng chế khá phổ biến. Thứ ba, chúng ta cần xây dựng các quy định cụ thể về thủ tục thế chấp, góp vốn bằng quyền SHCN đối với sáng chế theo hướng đảm bảo quyền lợi cho bên nhận thế chấp và tách ra hai loại hình góp vốn bằng quyền sở hữu và quyền sử dụng sáng chế đồng thời cần có quy định cụ thể hướng dẫn về việc định giá sáng chế nhằm hoàn thiện pháp luật về hình thức thế chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền SHCN đối với sáng chế.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Sách, giáo trình

1. Phan Quốc Nguyên (chủ biên) (2008, tái bản và bổ sung năm 2010), *Giáo trình Sở hữu trí tuệ, Chuyển giao Công nghệ và Khai thác thông tin sáng chế*, NXB Bách khoa.

2. Phan Quốc Nguyên (chủ biên) (2012), *Quản trị công nghệ và Đổi mới Sáng tạo*, TOPICA.
3. Phan Quốc Nguyên (đồng tác giả) (2012), *Những căn bản về Đổi mới*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

Bài báo

Tiếng Việt

4. Phan Quốc Nguyên (2005 và 2006), “Những bất cập của pháp luật Việt Nam về chuyển giao công nghệ trước yêu cầu hội nhập quốc tế— Một số kiến nghị về phương hướng và giải pháp”, *Bản tin Sở hữu công nghiệp* (nay là Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Sáng tạo), Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam trong 04 số: Số 50/2005, Số 52 (1/2006), Số 53 (2/2006) và Số 54 (3/2006).
5. Phan Quốc Nguyên (2006), “Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ: Tăng cường chuyển giao và thương mại hóa công nghệ từ trường đại học”, *Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Sáng tạo*, Số 58 và số 59 (7 và 8/2006).
6. Phan Quốc Nguyên (2006), “Thực trạng chuyển giao công nghệ tại các trường đại học kỹ thuật của Việt Nam”, *Tạp chí Thương mại*, Số 34, 9/2006;
7. Phan Quốc Nguyên (2007 và 2008), “Thực trạng và giải pháp thúc đẩy, tổ chức và quản lý các giao kết chuyển giao công nghệ cho các trường đại học kỹ thuật tại Việt Nam”, *Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Sáng tạo*, trong 03 số: Số 70 & Số 71 (10 và 11/2007) và Số 72 (Xuân Mậu Tý 2008).
8. Phan Quốc Nguyên (2008), “Một vài giải pháp thúc đẩy việc thương mại hóa tài sản trí tuệ tại các trường đại học”, *Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Sáng tạo*, Số 4/2008;
9. Phan Quốc Nguyên (2009), “Tăng cường nhận thức và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nhằm đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào sản xuất nông nghiệp”, *Báo Pháp luật Việt Nam*, 4/2009;

10. Phan Quốc Nguyên (2010), “Mô hình các doanh nghiệp spin-off tại các trường đại học trên thế giới”, *Tạp chí Hoạt động Khoa học* (nay là Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam), số 6/2010;
11. Phan Quốc Nguyên, “Văn phòng li-xăng/chuyển giao công nghệ-Kinh nghiệm của một số trường Đại học trên thế giới”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 8/2010.
12. Phan Quốc Nguyên, “Văn phòng Li-xăng/Chuyển giao công nghệ-Đề xuất mô hình cho các trường Đại học kỹ thuật của Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 2/2011.
13. Phan Quốc Nguyên (2012), “Bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ thúc đẩy hoạt động sáng tạo trong khoa học-công nghệ”, *Tạp chí Cộng sản*, số 71 (11-2012).
14. Phan Quốc Nguyên (2012), “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam”, *Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Sáng tạo*, số 4/2012.
15. Trần Công Thành và Phan Quốc Nguyên (2012), “Thương mại hóa kết quả nghiên cứu ở Malaysia và một số gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số tháng 8/2012.

Tiếng Anh

16. Phan Quoc Nguyen (2011), “Current Status and Solutions for Promoting University Technology Transfer”, *IP Community*, No. 14, March 2011, Japan Institute of Invention and Innovation, Japan;
17. Phan Quoc Nguyen and Ho Thuy Ngoc (2014), “Exploitation and Commercialization of Inventions Towards Green Economy”, *Journal of Business and Economics* (Jbe20140616-1), No. 12, Academic Star Publishing Company, USA, December 2014.